

Số: 282 /BC-UBND

An Giang, ngày 20 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO

Công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng Quý I và phương hướng nhiệm vụ Quý II năm 2024

Thực hiện Văn bản số 374/TTCP-KHTH ngày 12/3/2024 của Thanh tra Chính phủ về việc báo cáo kết quả công tác thanh tra Quý I năm 2024 và quy định tại Thông tư số 01/2024/TT-TTCP ngày 20/01/2024 của Thanh tra Chính phủ Quy định chế độ báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang báo cáo kết quả thực hiện như sau:

PHẦN I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

A. CÔNG TÁC THANH TRA, KIỂM TRA

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Thanh tra hành chính (gồm các biểu: 01/TTr, 02/QLNN)

1.1. Việc triển khai các cuộc thanh tra (Biểu số 01/TTr)

Tổng số cuộc thực hiện trong kỳ 37 cuộc (trong đó: Số cuộc triển khai từ các kỳ trước chuyển sang 12 cuộc và số cuộc triển khai trong kỳ 25 cuộc); số cuộc theo kế hoạch 16 cuộc, số cuộc đột xuất 21 cuộc.

1.2. Kết luận thanh tra (Biểu số 01/TTr)

Tổng số cuộc thanh tra đã ban hành kết luận thanh tra: 14 cuộc;

Số đơn vị được thanh tra (đã ban hành kết luận thanh tra): 70 đơn vị;

- Qua thanh tra phát hiện vi phạm số tiền 12.971,36 triệu đồng, thu hồi 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (1.937,4 m² đất), xử lý hành chính 03 cá nhân, chuyển điều tra 01 vụ, cụ thể:

+ Chi khoán công tác phí, chi tiền ăn giữa ca, chi phụ cấp lưu trú sai quy định với số tiền 1.377,49 triệu đồng; phê duyệt dự toán thừa đối với chi phí xin ý kiến cộng đồng, thẩm định đề án quy hoạch, quản lý lập đề án quy hoạch và công bố quy hoạch của 11 đề án điều chỉnh quy hoạch chung với số tiền 160,04 triệu đồng; áp dụng định mức hao phí vật liệu cát hệ số 1,22 không đúng quy định số tiền 6.038,45 triệu đồng, nhật ký thi công không thể hiện thi công đoạn chuyển tiếp phía thượng lưu nên không có cơ sở nghiệm thu thanh toán số tiền 880,53 triệu đồng, thu hồi số tiền 4.503,89 triệu đồng do không thực hiện lặn kiểm tra sau khi thả bao tải cát dưới nước ... với tổng số tiền 12.960,4 triệu đồng (**Thanh tra tỉnh**);

+ Thanh tra thành phố Châu Đốc: phát hiện chi nhưng không có chứng từ

thanh toán 10,96 triệu đồng;

+ Thanh tra huyện Chợ Mới: phát hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sai quy định thu hồi 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (1.937,4 m² đất).

Kiến nghị xử lý vi phạm:

- Xử lý về kinh tế:

+ Thu hồi về ngân sách nhà nước số tiền 4.514,85 triệu đồng;

+ Xử lý khác về kinh tế: 8.456,51 triệu đồng và thu hồi 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (1.937,4 m² đất).

- Xử lý trách nhiệm:

+ Xử lý hành chính: 03 cá nhân

+ Kiến nghị xử lý hình sự (chuyển cơ quan điều tra): 01 vụ.

Kiến nghị hoàn thiện (thêm mới, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ) cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung thanh tra: 00 kiến nghị.

Kiến nghị khác (nếu có): Không.

1.3. Kết quả thực hiện kết luận thanh tra (Biểu số 02/TTr)

a) Kết quả thực hiện các kết luận thanh tra hành chính

- Trong quý, đã theo dõi, đôn đốc 46 KLTT (năm trước chuyển sang: 24 KLTT chưa thực hiện hoàn thành và ban hành trong kỳ: 22 KLTT), gồm: Thanh tra tỉnh: 07 KLTT, cấp sở: 01 KLTT và cấp huyện: 38 KLTT.

- Số KLTT đã thực hiện hoàn thành: 21 KLTT; số kết luận chưa thực hiện hoàn thành: 25 KLTT.

- Số đơn vị được thanh tra (đã ban hành kết luận thanh tra): 169 đơn vị.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị:

+ Về kinh tế: Đã thu hồi nộp NSNN với số tiền 5.192,12/6.447,23 triệu đồng và xử lý khác về kinh tế với số tiền 4.073,97/101.121,64 triệu đồng.

+ Về đất: thu hồi 02 Giấy CNQSDĐ cấp trái pháp luật với diện tích 2.337,4 m² (Chợ Mới).

+ Về trách nhiệm: kiểm điểm trách nhiệm 01/29 tổ chức và 78/198 cá nhân; chuyển cơ quan điều tra 05 vụ 16 đối tượng, trong đó: Thanh tra tỉnh 01 vụ 01 đối tượng; huyện Châu Thành 01 vụ 06 đối tượng. Riêng huyện Chợ Mới chuyển 03 vụ 09 đối tượng: đã khởi tố 03 vụ 06 đối tượng và không khởi tố 03 đối tượng.

+ Thực hiện xong 47/72 kiến nghị khác.

+ Đang tiếp tục theo dõi, đôn đốc thực hiện 25 KLTT. Theo đó, còn phải thu hồi nộp NSNN với số tiền 1.255,11 triệu đồng; xử lý khác về kinh tế với số tiền 97.047,67 triệu đồng; thu hồi 02 Giấy CNQSDĐ cấp trái pháp luật với diện

tích 160 m²; kiểm điểm trách nhiệm 28 tổ chức và 120 cá nhân; chuyển cơ quan điều tra 02 vụ 07 đối tượng (Thanh tra tỉnh 01 vụ với 01 đối tượng và Châu Thành 01 vụ với 06 đối tượng); 25 kiến nghị khác.

b) Kết quả thực hiện kết luận thanh tra, kiểm tra trách nhiệm

- Trong quý, tổng số kết luận thanh tra trách nhiệm: 09 KLTT (năm trước chuyển sang: 07 KLTT chưa thực hiện hoàn thành và ban hành trong kỳ: 02 KLTT). Trong đó, đã thực hiện hoàn thành: 06 KLTT, chưa thực hiện: 03 KLTT.

- Kết quả thực hiện các kiến nghị về trách nhiệm: kiểm điểm vai trò trách nhiệm của 01/01 tổ chức và 20/93 cá nhân; về kinh tế: đã thu hồi nộp NSNN với số tiền 593,95/1.258,06 triệu đồng; xử lý khác về kinh tế với số tiền 349,45/2.040,82 triệu đồng; kiến nghị khác: đã thực hiện 24/26 kiến nghị.

1.4. Thanh tra, kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phòng, chống tham nhũng (Biểu số 02/QLNN)

Tổng số cuộc thanh tra, kiểm tra 08 cuộc; đã ban hành kết luận 00 cuộc;

Kết quả thanh tra, kiểm tra:

- Số đơn vị được thanh tra, kiểm tra (đã ban hành kết luận thanh tra): 00 đơn vị.
- Những vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra: không.

Kiến nghị xử lý vi phạm:

- Xử lý về kinh tế:

+ Thu hồi về ngân sách nhà nước: Không.

+ Xử lý khác về kinh tế: Không.

- Xử lý trách nhiệm:

+ Xử lý hành chính: Không;

+ Kiến nghị xử lý hình sự: Không.

Kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách, văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý, điều hành của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan đến nội dung thanh tra (nếu có): không.

1.5. Kết quả thanh tra trên một số lĩnh vực (*chỉ áp dụng đối với báo cáo 6 tháng và báo cáo năm*)

2. Thanh tra, kiểm tra chuyên ngành (gồm các Biểu: 06/TTr, 07/TTr)

2.1. Việc triển khai các cuộc thanh tra, kiểm tra trong kỳ báo cáo

- Tổng số cuộc thực hiện: 26 cuộc (số cuộc theo kế hoạch: 22, đột xuất: 04).

- Những lĩnh vực thanh tra, kiểm tra chủ yếu: công tác tuyển dụng, sử dụng và thực hiện chế độ tiền lương; hoạt động văn hóa và kinh doanh dịch vụ văn hóa công cộng; lĩnh vực an toàn giao thông, tài chính; lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh,

kinh doanh dược, mỹ phẩm, an toàn thực phẩm; kiểm tra chuyên ngành về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng và nhãn hàng hoá trong lĩnh vực kinh doanh vàng trang sức, mỹ nghệ; công tác thu, chi đầu năm học; công tác quản lý dạy thêm, học thêm; hoạt động doanh nghiệp năm 2024; công tác kiểm tra nội bộ trường học; việc chấp hành pháp luật đối với các dự án hoạt động khai thác khoáng sản (đá); hoạt động in, phát hành lịch bloc; việc chấp hành các quy định pháp luật trong công tác quản lý đầu tư xây dựng sử dụng vốn ngân sách nhà nước; việc chấp hành các quy định của pháp luật về quản lý, vận hành nhà ở chung cư; việc chấp hành các quy định của pháp luật về lĩnh vực sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp, thuốc thú y, thủy sản và thức ăn chăn nuôi; các cơ sở chế biến, kinh doanh gỗ; khai thác gỗ, lâm sản...

- Số cuộc đã ban hành kết luận: 14.
- Số tổ chức, cá nhân được thanh tra, kiểm tra: 392.

2.2. Kết quả thanh tra, kiểm tra

- Số cá nhân, tổ chức vi phạm: **70** (trong đó: 18 tổ chức, 52 cá nhân).
- Nội dung vi phạm chủ yếu phát hiện qua thanh tra, kiểm tra: cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh mà không có giấy phép hoạt động; sử dụng người hành nghề không có chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; mua bán thuốc không có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược; kinh doanh hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ; hàng hóa có nhãn không ghi đủ các nội dung bắt buộc trên nhãn hàng hóa theo tính chất hàng hóa theo quy định... (y tế); kinh doanh phân bón không phù hợp quy chuẩn kỹ thuật, phân bón không ghi thông tin bắt buộc trên nhãn hàng hóa, thuốc BVTV giả mạo nhãn hàng hóa; phân bón giả giá trị sử dụng công dụng, sản xuất thực phẩm có chất phụ gia vượt mức giới hạn cho phép, buôn bán thức ăn chăn nuôi có chất kháng sinh cấm, khai thác rừng trái pháp luật...(nông nghiệp).

+ Về kinh tế: Tổng số tiền vi phạm **24.605,8** triệu đồng; số tiền kiến nghị thu hồi về ngân sách nhà nước 24.034,8 triệu đồng; kiến nghị thu hồi về tổ chức, đơn vị 184 triệu đồng; kiến nghị xử lý khác 387 triệu đồng.

+ Về xử lý vi phạm: Tổng số quyết định xử phạt vi phạm hành chính được ban hành: **41** (09 tổ chức, 32 cá nhân); số tiền xử phạt vi phạm hành chính 1.395,9 triệu đồng (tổ chức 617,5 triệu đồng, cá nhân 778,4 triệu đồng). Chuyển cơ quan điều tra xử lý 01 vụ (Sở Xây dựng) và chuyển cơ quan Quản lý thị trường xử lý 01 cơ sở vi phạm về kinh doanh hàng hóa có nhãn ghi không đúng các nội dung bắt buộc trên nhãn hàng hóa theo quy định, hàng hóa không rõ nguồn gốc, xuất xứ (Sở Y tế).

2.3. Kết quả thực hiện kết luận, quyết định xử phạt qua thanh tra, kiểm tra

- Kết quả thực hiện xử lý vi phạm về kinh tế: Số tiền vi phạm đã thu hồi về ngân sách nhà nước 23.659,8 triệu đồng (Sở Xây dựng).

- Kết quả thực hiện quyết định xử phạt vi phạm hành chính: số tiền xử phạt vi phạm hành chính đã thu: 747,8 triệu đồng (tổ chức 31,6 triệu đồng, cá nhân 716,2 triệu đồng).

3. Kết quả hoạt động giám sát, kiểm tra, thanh tra doanh nghiệp nhà nước: không phát sinh.

4. Kết quả xây dựng, hoàn thiện thể chế và tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thanh tra (Biểu số 02/QLNN)

- Số văn bản (quản lý, chỉ đạo) về thanh tra mới được ban hành, được sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ: ban hành mới 03 văn bản.

- Số lớp tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về thanh tra được tổ chức; tổng số người tham gia: tổ chức 55 lớp với 985 người tham dự.

II. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

- Các cấp ủy, chính quyền và thủ trưởng các cơ quan thanh tra đã có nhiều quan tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành triển khai các cuộc thanh tra, kiểm tra.

- Công tác thanh tra, kiểm tra được thực hiện bảo đảm chính xác, khách quan, trung thực, không trùng lặp về phạm vi, đối tượng thanh tra. Các cuộc thanh tra được tiến hành có trọng tâm, trọng điểm; quá trình thanh tra, kiểm tra đều được các đối tượng thanh tra, kiểm tra hợp tác, chấp hành; qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện những vi phạm, từ đó kiến nghị biện pháp xử lý chấn chỉnh, khắc phục, thu hồi tiền và tài sản nộp ngân sách nhà nước, đồng thời kiến nghị xử lý hành chính đối với tổ chức, cá nhân vi phạm. Công tác theo dõi, đôn đốc thực hiện kết luận thanh tra tiếp tục được tăng cường, thực hiện thường xuyên và đạt hiệu quả.

- Một số đơn vị thực hiện chế độ báo cáo chưa đảm bảo về nội dung, biểu mẫu, thời hạn theo quy định.

B. CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

I. TÌNH HÌNH KHIẾU NẠI TỐ CÁO

1. Tình hình khiếu nại, tố cáo

Tỉnh An Giang vẫn tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng, phát triển kinh tế xã hội, do đó nội dung khiếu nại chủ yếu vẫn là chính sách thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuộc các dự án ^[1], một số đơn liên quan

¹ Dự án Nâng cấp mở rộng Đường Tỉnh 943 (đoạn từ ngã ba đường số 1 đến cầu Phú Hòa); Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiêu dự án thành phố Long Xuyên - Khu tái định cư: Hợp phần 3; Dự án đầu tư xây dựng công trình Cơ sở làm việc Công an tỉnh An Giang (thành phố Long Xuyên); Dự án Nâng cấp đường Lê Trọng Tấn (đoạn từ cầu Tầm Bót đến đường Phạm Cự Lượng), thành phố Long Xuyên; Dự án đầu tư xây dựng Cơ sở hạ tầng Khu Tây sông Hậu, thành phố Long Xuyên; Dự án đầu tư xây dựng Tuyến nối Quốc lộ 91 và Tuyến tránh thành phố Long Xuyên; Dự án Đường đê kênh Hòa Bình, thành phố Châu Đốc; Dự án nâng cấp tuyến đường liên tỉnh nối từ huyện Châu Phú, tỉnh An Giang qua khu vực tứ giác Long Xuyên với huyện Hòn đất, tỉnh Kiên Giang,

đến chính sách xã hội, đơn tố cáo về lĩnh vực giáo dục... Ngoài ra, trên địa bàn tỉnh vẫn còn một số hộ khiếu nại kéo dài, gay gắt mặc dù đã được Tỉnh và các cơ quan Trung ương rà soát, giải quyết thấu tình, đạt lý, đã vận động, thuyết phục, tổ chức thực hiện thêm các giải pháp hỗ trợ về tiền, về chỗ ở, đất nông nghiệp để sản xuất... nhưng người khiếu nại vẫn không đồng thuận, tiếp tục đi khiếu nại, tập trung tại cơ quan Trung ương ở Hà Nội dịp tết Nguyên đán Giáp Thìn (03 công dân).

Lượng đơn khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm giải quyết của các cơ quan, đơn vị giảm so với cùng kỳ năm trước (*giảm 114 đơn*), đã được các cơ quan chuyên môn tham mưu giải quyết kịp thời, đúng quy định, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho công dân.

2. Nguyên nhân của tình hình khiếu nại, tố cáo

a) Nguyên nhân chủ quan

Đa số các trường hợp khiếu nại đều yêu cầu nâng giá bồi thường đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là đất lâu năm khác theo giá đất ở; các vụ việc khiếu nại kéo dài đều đã được Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết nhiều lần, được Thanh tra Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương rà soát, kết luận được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận nhưng người dân vẫn tiếp tục khiếu nại trái với quy định pháp luật và chủ trương giải quyết, như: đòi lại đất mà Nhà nước đã quản lý, thu hồi, bố trí sử dụng; chia lợi nhuận như cổ đông góp vốn tương ứng với diện tích đất giải tỏa tại dự án; được tái định cư diện tích tương đương với diện tích, vị trí đất đã thu hồi trước đây...

b) Nguyên nhân khách quan:

Một số hộ dân chưa nhận thức đúng quy định về pháp luật khiếu nại, tố cáo; một số cán bộ do mới được luân chuyển, điều động nên còn thiếu kinh nghiệm trong việc giải quyết.

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

1. Công tác tiếp công dân

Tổng số lượt tiếp 1.744 lượt/1.751 người, số vụ việc tiếp là 1.732 vụ (*tiếp dân thường xuyên 1.170 lượt/1.172 người; tiếp dân định kỳ và đột xuất của lãnh đạo 574 lượt/579 người*), cụ thể:

- Cấp xã: tiếp 1.050 lượt/1.054 người/1.044 vụ việc 1.044 (tiếp lần đầu 1.033, tiếp nhiều lần 11 lượt). Trong đó, tiếp thường xuyên 629 lượt/624 người; Chủ tịch

đường tỉnh 945, phân đoạn xã Tân Lập (huyện Tịnh Biên); Dự án Mở rộng nâng cấp đô thị Việt Nam - Tiểu dự án thành phố Long Xuyên - Hợp phần 2; Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường liên kết vùng đoạn từ thị xã Tân Châu đến thành phố Châu Đốc, kết nối với tỉnh Kiên Giang và Đồng Tháp;

tiếp định kỳ 421 lượt/430 người.

- Cấp huyện: 586 lượt/588 người/580 vụ việc (tiếp lần đầu 442 lượt, tiếp nhiều lần 13 lượt. Trong đó, tiếp thường xuyên 441 lượt/447 người; lãnh đạo tiếp 145 lượt/141 người (*Chủ tịch huyện tiếp định kỳ và đột xuất 48 lượt/42 người, Lãnh đạo phòng, ban tiếp 97 lượt/99 người*); số đoàn đông người được tiếp là 01/06 người.

- Cấp tỉnh: đã tiếp 108 lượt/109 người/108 vụ việc (tiếp lần đầu 51 lượt, tiếp nhiều lần 57 lượt). Trong đó, tiếp thường xuyên 100 lượt/101 người, lãnh đạo tiếp 8 lượt/8 người (Chủ tịch UBND tỉnh tiếp 6 lượt/6 người, Trưởng ban ngành tiếp 2 lượt/2 người).

2. Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn

a) Tổng số 648 đơn: Kỳ trước chuyển sang 66, tiếp nhận trong kỳ 582.

- Số đơn đã xử lý/ Tổng số đơn tiếp nhận: 644/648 đơn (04 đơn chuyển kỳ sau giải quyết).

- Số đơn đủ điều kiện xử lý: 492 đơn/492 vụ việc.

b) Phân loại, xử lý đơn:

- Phân loại theo nội dung:

+ Số đơn khiếu nại: 156

+ Số đơn tố cáo: 34

+ Số đơn kiến nghị, phản ánh: 302

- Phân loại theo tình trạng giải quyết:

+ Số đơn đã giải quyết lần đầu là 250

+ Số đơn đã giải quyết nhiều lần 02

+ Số đơn chưa giải quyết: 240

c) Kết quả xử lý đơn

- Số đơn thuộc thẩm quyền 164 (*khiếu nại 118; tố cáo 4; kiến nghị, phản ánh 42*).

- Số đơn không thuộc thẩm quyền là 328.

3. Kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền

Tổng số đơn đã giải quyết/tổng số đơn: 79/164; tỷ lệ giải quyết là 47,87%.

a) Kết quả giải quyết khiếu nại

- Tổng số đơn đã giải quyết 44/118 đơn.

- Đã giải quyết cho cá nhân 252 m² đất (04 hộ được xét cấp nền tái định cư).

- Phân tích kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu 40 đơn, lần hai 04 đơn; việc chấp hành thời hạn giải quyết khiếu nại 44 đơn.

+ Số vụ việc giải quyết bằng quyết định hành chính 44 vụ.

+ Số vụ khiếu nại (lần đầu) đúng một phần 40 vụ; công nhận quyết định giải quyết lần đầu 04 vụ.

- Kết quả thực hiện quyết định giải quyết khiếu nại: Số quyết định phải thực hiện là 44; số quyết định đã thực hiện xong là 44.

b) Kết quả giải quyết tố cáo

- Tổng số đơn đã giải quyết 04/04 đơn.

- Phân tích kết quả giải quyết đối với vụ việc tố cáo lần đầu: Tố cáo đúng 01; tố cáo sai 01; tố cáo có đúng, có sai 01; rút toàn bộ nội dung tố cáo 01.

- Chấp hành thời hạn giải quyết tố cáo đúng quy định 03 đơn.

- Kết quả thực hiện kết luận nội dung tố cáo: Số kết luận phải thực hiện 03 kết luận, số kết luận đã thực hiện xong: 03 kết luận.

c) Kết quả giải quyết kiến nghị, phản ánh:

Đã giải quyết 31/42 đơn phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền, chuyển kỳ sau 11 đơn.

4. Bảo vệ người tố cáo: Được tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố cáo. Các quy định về thông tin quá trình giải quyết tố cáo, về bí mật thông tin có liên quan đến người tố cáo... được cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm quán triệt và thực hiện nghiêm túc trong xử lý đơn, tiếp công dân, giải quyết. Trong thời gian qua, đối với các đơn tố cáo được thụ lý giải quyết, không có trường hợp nào người tố cáo có yêu cầu bảo vệ. Đồng thời, chưa để xảy ra tình trạng tổ chức, cá nhân có thẩm quyền không có biện pháp xử lý khi có căn cứ cho rằng người tố cáo bị trù dập, phân biệt đối xử, gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của người tố cáo.

5. Công tác quản lý nhà nước về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo

Công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định liên quan đến Luật Tiếp công dân năm 2013, Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp Công dân, Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân, Thông tư 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh và các văn bản liên quan được cấp cấp, các ngành quan tâm thực hiện. Trong kỳ, toàn tỉnh đã tổ chức 06 lớp tập huấn, tuyên truyền phổ biến kiến thức pháp luật thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng cho 255 lượt người tham dự.

Tiếp tục ứng dụng có hiệu quả Hệ thống CSDL quốc gia về khiếu nại, tố cáo về công tác tiếp công dân, xử lý đơn, giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh trên địa bàn tỉnh An Giang.

6. Kết quả thực hiện Kế hoạch 363/KH-TTCP ngày 20/3/2019 và Kế hoạch 1910/KH-TTCP ngày 29/10/2021 của Thanh tra Chính phủ

Thực hiện Quyết định số 1849/QĐ-TTg ngày 27/12/2018 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch 363/KH-TTCP ngày 20/3/2019 của Thanh tra Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch 480/KH-UBND ngày 07/8/2019, thành lập Tổ Công tác kiểm tra, rà soát theo Quyết định số 1364/QĐ-UBND ngày 07/6/2019 và đã tiến hành kiểm tra, rà soát xong 30 vụ việc theo danh sách tại Thông báo số 157/TB-VPCP ngày 13/9/2019 của Văn phòng Chính phủ.

Ngày 08/01/2021 và ngày 12/8/2022, Ủy ban nhân dân tỉnh làm việc với Thanh tra Chính phủ thống nhất phương án giải quyết 30 vụ việc.

Ngày 03/6/2023, Văn phòng Chính phủ có Văn bản số 4076/VPCP-V.I thống nhất Báo cáo số 1158/BC-TTCP ngày 22/5/2023 của Thanh tra Chính phủ về kết quả kiểm tra, rà soát các vụ việc khiếu nại, tố cáo phức tạp, tồn đọng, kéo dài, trong đó tỉnh An Giang: *Thống nhất với kết quả giải quyết, rà soát của địa phương. Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành thông báo chấm dứt giải quyết khiếu nại, đồng thời chỉ đạo cơ quan chức năng tiếp tục thuyết phục vận động công dân chấp hành và không khiếu nại vượt cấp lên các cơ quan Trung ương.*

Đến nay, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành 28/30 thông báo chấm dứt, kết thúc giải quyết khiếu nại, trong đó có 11 công dân thống nhất chủ trương giải quyết của tỉnh và cam kết chấm dứt khiếu nại, với tổng số tiền hỗ trợ là 8,996 tỷ đồng, 9,9ha đất nông nghiệp và 16 nền nhà [2].

III. NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

1. Ưu điểm

- Công tác tiếp dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực; quá trình giải quyết có sự chỉ đạo tập trung thống nhất của cấp ủy đảng, chính quyền rà soát, vận dụng các chính sách an sinh xã hội, các chính sách có lợi nhất để công dân đồng tình chấm dứt khiếu nại (vụ việc mới và kể cả vụ việc khiếu nại phức tạp, kéo dài). Nhìn chung, số lượng đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền mới phát sinh được UBND các cấp quan tâm giải quyết kịp thời. Các quyết định giải quyết khiếu nại có hiệu lực pháp luật được tổ chức thi hành ngay,

² Ông Trần Văn Tim hỗ trợ 300 triệu đồng và cấp 4,5ha đất nông nghiệp; ông Lâm Văn Hai 1 tỷ đồng và bán 02 nền nhà; ông Bùi Văn Tấn hỗ trợ 1,364 tỷ đồng và bán 02 nền; bà Lê Thị Nệ hỗ trợ 656 triệu đồng, bà Nguyễn Thị Ngọc hỗ trợ 1,1 tỷ đồng và 07 nền nhà; ông Huỳnh Văn Năng hỗ trợ 300 triệu đồng và 3ha đất nông nghiệp; ông Châu Tiết Nê hỗ trợ 150 triệu đồng và 0,9ha đất nông nghiệp; ông Trần Quang Trung hỗ trợ 105 triệu đồng và 1,5ha đất nông nghiệp; bà Quách Kim Xuân hỗ trợ 521,9 triệu đồng; bà Nguyễn Thị Niêm giải quyết bán 05 nền nhà; bà Nguyễn Ngọc Ánh hỗ trợ 3,5 tỷ đồng.

đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho công dân.

- Việc kiểm tra, rà soát các vụ việc khiếu nại đông người, phức tạp, kéo dài được Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện khẩn trương, nghiêm túc, tỉnh đã chủ động phối hợp chặt chẽ với các cơ quan Trung ương, kể cả việc rà soát thực hiện các chính sách xã hội, xây dựng nhà đại đoàn kết, hỗ trợ vốn mua bán... nhằm giúp người dân ổn định cuộc sống và ổn định tình hình khiếu nại tại địa phương.

2. Tồn tại, hạn chế

- Lượng đơn không thuộc thẩm quyền phải xử lý rất cao chiếm trên 50% tổng số đơn nhận.

- Đối với các vụ việc khiếu nại phức tạp, kéo dài đã được các Đoàn, Tổ công tác của Trung ương và Ủy ban nhân dân tỉnh tiếp và giải thích pháp luật nhiều lần, người dân mặc dù hiểu rõ các quy định của pháp luật, nhưng vẫn không chấp hành quyết định đã giải quyết đúng pháp luật.

3. Nguyên nhân

- Khách quan:

+ Chính sách bồi thường ngày càng đảm bảo hơn về quyền lợi của người sử dụng đất nên dẫn đến sự so bì của các hộ dân có đất bị thu hồi để thực hiện dự án giải tỏa trước đây.

+ Một số hộ khiếu nại gay gắt, kéo dài bị ảnh hưởng của phần tử xấu kích động, lôi kéo, xúi giục do một bộ phận người dân chưa nhận thức đúng về khiếu nại, tố cáo, dẫn đến khiếu nại, tố cáo không đúng quy định của pháp luật, lợi dụng dân chủ, nhân quyền với tâm lý càng khiếu nại càng có lợi nên không đồng ý kết thúc khiếu nại.

- Chủ quan:

+ Chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được xây dựng vẫn chưa theo kịp thực tiễn, nhất là giá bồi thường đất ở; chính sách hỗ trợ vẫn còn thấp, một số trường hợp số tiền bồi thường, hỗ trợ chưa đủ để người dân tạo lập chỗ ở mới tốt hơn.

+ Việc thực thi pháp luật về khiếu nại chưa triệt để dẫn đến việc giải quyết khiếu nại không có điểm dừng. Trong lúc, quy định pháp luật về an ninh trật tự chưa được tổ chức thực hiện nghiêm. Từ đó, một số trường hợp mặc dù đã được giải quyết có lý, có tình nhưng vẫn không chấp nhận, cố ý khiếu nại kéo dài.

+ Các vụ việc khiếu nại kéo dài hiện nay đều đã được Ủy ban nhân dân tỉnh, Thanh tra Chính phủ và các Bộ, ngành Trung ương rà soát, giải quyết nhiều lần, có nhiều vụ việc khiếu nại đã được thực hiện theo ý kiến kết luận chỉ đạo Thủ tướng Chính phủ nhưng các hộ vẫn tiếp tục khiếu nại.

+ Việc áp dụng các chính sách hỗ trợ và an sinh xã hội gặp khó khăn, lúng

túng vì còn tùy thuộc vào điều kiện của địa phương; có trường hợp do công dân không hợp tác để cùng với chính quyền tìm biện pháp giải quyết.

IV. DỰ BÁO TÌNH HÌNH

Tỉnh An Giang tiếp tục triển khai thực hiện công tác giải phóng mặt bằng các dự án trọng điểm về xây dựng các công trình giao thông công cộng, chỉnh trang đô thị, xây dựng các cụm tuyến dân cư và khu tái định cư... Số lượng đơn khiếu nại thuộc thẩm quyền mới vẫn sẽ phát sinh, do đó Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan chuyên môn cần quan tâm giải quyết kịp thời.

Vẫn còn tình trạng công dân khiếu nại tại các cơ quan Trung ương mặc dù hầu hết các vụ việc khiếu nại này đều đã có kết luận giải quyết của các cơ quan Trung ương và văn bản chấm dứt việc giải quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh.

C. CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN

1. Kết quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong phạm vi trách nhiệm của bộ, ngành, địa phương; việc quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; việc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

a) Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ban hành văn bản, hướng dẫn triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản chỉ đạo, điều hành của cấp trên trong công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (PCTN,TC):

Thực hiện Luật PCTN năm 2018, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCTN và yêu cầu của Trung ương, Tỉnh ủy về công tác PCTNTC, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo, triển khai thực hiện công tác PCTNTC³ và báo cáo kết quả thực hiện công tác PCTNTC theo quy định⁴. Trong kỳ, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã ban hành 88 văn bản triển khai, thực hiện công tác PCTNTC.

Ngoài ra, các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục triển khai thực hiện các kế hoạch của UBND tỉnh về công tác PCTN⁵; qua đó tăng cường thực hiện đúng

³ Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 25/01/2024 về thực hiện công tác PCTN năm 2024 (lồng ghép chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Văn bản số 890/TTg-V.I ngày 03/10/2022 về việc triển khai các nhiệm vụ giải pháp về công tác PCTN, tiêu cực thời gian tới).

⁴ Báo cáo số 1182/BC-UBND ngày 07/12/2023 về kết quả thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc; Báo cáo số 1246/BC-UBND ngày 28/12/2023 về kết quả thực hiện tăng cường các biện pháp phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ.

⁵ Kế hoạch số 287/KH-UBND ngày 23/5/2017 thực hiện Kết luận số 10-KL/TW của Bộ Chính trị về việc tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí; Kế hoạch số 457/KH-UBND ngày 26/7/2019 thực hiện Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh

chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, nhất là triển khai thực hiện đầy đủ các biện pháp PCTN; nâng cao ý thức, trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị, đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và phát huy vai trò, trách nhiệm của xã hội trong công tác PCTN.

b) Công tác chỉ đạo, triển khai, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực và các nhiệm vụ, chương trình công tác của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực:

UBND tỉnh tiếp tục thực hiện báo cáo định kỳ hàng tháng về kết quả thực hiện Kết luận của đồng chí Tổng Bí thư, Trưởng Ban Chỉ đạo Trung ương về PCTN, tiêu cực tại các phiên họp của Ban Chỉ đạo.

c) Các hình thức cụ thể đã thực hiện để quán triệt, tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực:

Trong kỳ, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã tổ chức thực hiện 67 cuộc tuyên truyền, phổ biến pháp luật về PCTN với 1.775 lượt người tham dự, trọng tâm là tuyên truyền Luật PCTN năm 2018, Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ. Ngoài ra, thực hiện tuyên truyền pháp luật về PCTN trên hệ thống truyền thanh của huyện, xã, thị trấn và trên các trang thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị được 04 tin, 97 bài viết và 01 câu chuyện về PCTN. Qua công tác tuyên truyền tiếp tục nâng cao hiểu biết, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật của đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, nhân dân, trước hết là của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong công tác PCTNTC nhằm góp phần ngăn chặn, phòng ngừa hành vi tham nhũng, tiêu cực.

d) Kết quả thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (số cuộc thanh tra, kết quả phát hiện và xử lý vi phạm qua thanh tra):

Trong kỳ, các cơ quan thanh tra đã triển khai 06 cuộc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về PCTNTC. Các cuộc thanh tra đang tiến hành thanh tra trực tiếp.

2. Kết quả thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Kết quả thực hiện công khai, minh bạch về tổ chức và hoạt động:

Các cơ quan, đơn vị và địa phương thường xuyên niêm yết công khai, minh bạch trong hoạt động về kết quả thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, nhiệm vụ chính trị; dự toán, quyết toán kinh phí, ngân sách nhà nước; đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản công; công tác quy hoạch, bổ nhiệm, luân chuyển, điều động, đào tạo, bồi dưỡng; công tác thi đua, khen thưởng; công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở; công khai thủ tục hành chính, quy trình, biểu mẫu, hồ sơ,

nghiệp trong giải quyết công việc; Kế hoạch số 530/KH-UBND ngày 11/10/2016 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát hiện, xử lý vụ việc, vụ án tham nhũng trên địa bàn tỉnh; Công văn số 618/UBND-NC ngày 09/7/2019 thực hiện Công điện số 724/CĐ-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các biện pháp phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ;...

thời hạn giải quyết công việc có liên quan đến tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp...; công khai số điện thoại đường dây nóng tiếp nhận các ý kiến, phản ánh của người dân và doanh nghiệp về hành vi vi phạm pháp luật của cán bộ, công chức, viên chức nhằm ngăn chặn tiêu cực, nhũng nhiễu. Đã tiến hành kiểm tra tại 10 đơn vị, qua kiểm tra, chưa phát hiện sai phạm.

b) Kết quả xây dựng và thực hiện định mức, tiêu chuẩn, chế độ:

Các cơ quan, đơn vị thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung và niêm yết công khai quy chế chi tiêu nội bộ theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính; Nghị quyết số 27/2017/NQ-HĐND ngày 08/12/2017; Nghị quyết số 14/2019/NQ-HĐND ngày 11/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh;... Trong kỳ, đã ban hành mới 07 văn bản và sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ 05 văn bản về định mức, tiêu chuẩn, chế độ.

c) Kết quả thực hiện quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn:

Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục quán triệt và thực hiện tốt Quyết định số 129/2007/QĐ-TTg ngày 02/8/2007 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế Văn hóa công sở tại các cơ quan hành chính nhà nước; quy định về quy tắc ứng xử của người có chức vụ, quyền hạn theo Luật PCTN; Chỉ thị số 07/2013/CT-UBND ngày 16/7/2013 của UBND tỉnh về tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trên địa bàn tỉnh An Giang;... Qua đó, thực hiện nghiêm túc phong, đạo đức, trang phục, giờ giấc; có thái độ ứng xử giao tiếp lịch sự, nhất là cán bộ thường xuyên tiếp xúc, giải quyết hồ sơ, công việc với người dân và doanh nghiệp... Tổ kiểm tra công vụ của Tỉnh và cấp huyện duy trì thường xuyên kiểm tra tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn; đã tiến hành kiểm tra tại 10 đơn vị; qua đó kịp thời ngăn chặn, uốn nắn, xử lý các tổ chức, cá nhân có biểu hiện vi phạm quy định về ứng xử, đạo đức công vụ, gây nhũng nhiễu, khó khăn, phiền hà trong thực thi nhiệm vụ, công vụ.

d) Kết quả thực hiện chuyển đổi vị trí công tác của người có chức vụ, quyền hạn:

Thực hiện Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ, các cơ quan, đơn vị, tổ chức và địa phương tiến hành xây dựng kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác và thời hạn định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của mình. Trong kỳ, đã thực hiện chuyển đổi vị trí công tác 20 trường hợp⁶ thuộc thẩm quyền quản lý.

đ) Kết quả thực hiện cải cách hành chính, ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý và thanh toán không dùng tiền mặt:

- Các cơ quan, đơn vị và địa phương tiếp tục triển khai thực hiện các chỉ đạo của tỉnh như: Chương trình cải cách hành chính tỉnh giai đoạn 2021 - 2030 tại Quyết định số 3037/QĐ-UBND ngày 21/12/2021 của UBND tỉnh; Chương trình số 553/CTr-UBND ngày 09/9/2021 của UBND tỉnh về việc Chuyển đổi số tỉnh An Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030;... Trong kỳ, toàn

⁶ An Phú 02; Châu Phú 11; Tri Tôn 01; Sờ GD&ĐT 06.

tỉnh đã triển khai 1.966 thủ tục hành chính, trong đó có 1.467 thủ tục hành chính đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4; thực hiện thanh toán phí, lệ phí dịch vụ công trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh thông qua VietinBank, kết nối, tích hợp dùng chung hệ thống thanh toán trực tuyến Payment Platform của Cổng dịch vụ công quốc gia. Các cơ quan, đơn vị, địa phương tiếp tục thực hiện chỉ đạo, điều hành, giải quyết công việc trên phần mềm văn phòng điện tử (VNPT-iOffice); thực hiện chữ ký số trên văn bản điện tử; xây dựng và đưa vào vận hành các ứng dụng phần mềm phục vụ cho hoạt động quản lý chuyên ngành, công việc đặc thù.

- Việc giảm thiểu sử dụng tiền mặt trong giao dịch, hoạt động và trả lương, thu nhập qua tài khoản được thực hiện theo quy định. Các khoản chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển, chi phí sản xuất, kinh doanh trong khu vực công, khu vực tư đều được thanh toán, chuyển khoản qua hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng. Qua đó, hạn chế tối đa sử dụng tiền mặt trong giao dịch, lưu thông theo quy định tại Nghị định số 101/2012/NĐ-CP ngày 22/11/2012 của Chính phủ và Nghị định số 86/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 101/2012/NĐ-CP.

e) Kết quả thực hiện các quy định về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn:

- Thực hiện Văn bản số 1398/UBND-NC ngày 25/10/2023 của UBND tỉnh và hướng dẫn của Thanh tra tỉnh tại Công văn số 541/TTT-PCTN ngày 01/11/2023 về việc triển khai thực hiện công tác kê khai, công khai tài sản, thu nhập năm 2023, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã ban hành kế hoạch và triển khai thực hiện việc kê khai và công khai tài sản, thu nhập theo quy định. Theo đó, có 1.156 người tại 43 cơ quan, đơn vị (thuộc thẩm quyền kiểm soát của Thanh tra tỉnh) đã thực hiện kê khai tài sản, thu nhập (gồm: 889 trường hợp kê khai hàng năm; 86 trường hợp kê khai lần đầu; 130 trường hợp kê khai bổ sung và 51 trường hợp kê khai phục vụ công tác cán bộ). Nhìn chung, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã triển khai thực hiện nghiêm túc, đảm bảo việc kê khai, công khai và bàn giao bản kê khai cho Cơ quan kiểm soát theo quy định.

- Thực hiện Văn bản số 2767/TTCP-C.IV ngày 14/11/2023 của Thanh tra Chính phủ về việc định hướng xác minh tài sản, thu nhập năm 2024; Công văn số 63/VPUBND-NC ngày 05/01/2024 của UBND tỉnh về việc phê duyệt nội dung xác minh tài sản, thu nhập năm 2024, Thanh tra tỉnh đã ban hành Quyết định số 05/QĐ-TTT ngày 17/01/2024 về việc xác minh tài sản, thu nhập đối với 35 người tại 09 cơ quan, đơn vị; việc xác minh đang tiến hành theo quy định.

3. Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong cơ quan, tổ chức, đơn vị

a) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng qua hoạt động giám sát, kiểm tra, tự kiểm tra; thanh tra, kiểm toán; xem xét phản ánh, báo cáo về hành vi tham nhũng và các hoạt động khác:

Trong kỳ, không phát sinh.

b) Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu:

Người đứng đầu các cơ quan, đơn vị luôn quan tâm quán triệt, triển khai thực hiện nghiêm túc quy định về xử lý trách nhiệm người đứng đầu theo Luật PCTN và Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ, Quy định số 101-QĐ/TW ngày 07/6/2012 của Ban Bí thư về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, nhất là lãnh đạo chủ chốt các cấp... Trong kỳ, không phát sinh trường hợp phải xử lý trách nhiệm người đứng đầu của cơ quan, tổ chức, đơn vị khi để xảy ra hành vi tham nhũng.

c) Kết quả phát hiện, xử lý tham nhũng trong ngành Thanh tra:

Trong kỳ, không phát sinh.

4. Kết quả phòng, chống tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước

a) Số lượng công ty đại chúng, tổ chức tín dụng, tổ chức xã hội do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động các khoản đóng góp của nhân dân để hoạt động từ thiện:

Toàn tỉnh, có 24 tổ chức tín dụng, 06 tổ chức xã hội có trụ sở chính trên địa bàn tỉnh do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thành lập và phê duyệt điều lệ. Trên cơ sở đó, Thanh tra tỉnh tham mưu công tác PCTN khu vực ngoài nhà nước tại các tổ chức, đơn vị theo quy định của Luật PCTN năm 2018 và Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật PCTN.

b) Kết quả thực hiện quy định của pháp luật về phòng ngừa tham nhũng đối với doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước:

Thực hiện Luật PCTN năm 2018, UBND tỉnh đã đưa công tác phòng ngừa tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước vào Kế hoạch số 72/KH-UBND ngày 25/01/2024 về thực hiện công tác PCTN năm 2024, trong đó yêu cầu Lãnh đạo các doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước có trách nhiệm quán triệt, phổ biến, tuyên truyền các quy định của Luật PCTN năm 2018, các văn bản hướng dẫn thi hành và tổ chức thực hiện nghiêm các biện pháp phòng ngừa tham nhũng; tăng cường công tác tự kiểm tra để kịp thời phát hiện, xử lý và kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi tham nhũng trong doanh nghiệp, tổ chức mình phối hợp với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để ngăn chặn, xử lý tình trạng tham nhũng, tiêu cực xảy ra trong doanh nghiệp, tổ chức mình theo quy định của pháp luật và điều lệ, quy chế, quy định của doanh nghiệp, tổ chức. Trên cơ sở đó, các tổ chức khu vực ngoài nhà nước đã xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện theo yêu cầu của UBND tỉnh.

5. Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong phòng, chống tham nhũng, tiêu cực

- Để phát huy vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp trong công tác PCTN, UBND tỉnh và các cấp ngành, địa phương tiếp tục phối hợp thực hiện tốt các quy chế phối hợp; phát huy vai trò của các tổ chức này thông

qua việc thực hiện chức năng giám sát hoạt động của địa phương, khuyến khích và động viên, tạo điều kiện để quần chúng, tổ chức đoàn thể tích cực tham gia vào công tác này góp phần thiết thực trong công tác PCTN.

- Sự quan tâm, phối hợp trong kiểm tra, giám sát của Đoàn đại biểu Quốc hội, Hội đồng Nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể các cấp đã kịp thời phát hiện, kiến nghị Ủy ban nhân dân các cấp và cơ quan có thẩm quyền thực hiện các quy định về PCTN góp phần phát hiện, ngăn chặn kịp thời và làm giảm hành vi tham nhũng trên địa bàn tỉnh. Bên cạnh đó, Ủy ban Mặt trận các cấp thường xuyên giám sát việc tiếp dân của Chủ tịch UBND cùng cấp, việc thực hiện công khai các hoạt động của cơ quan nhà nước. Tiếp nhận và phân loại đơn thư của công dân chuyển tải, kiến nghị kịp thời tới các cơ quan nhà nước có thẩm quyền để giải quyết và giám sát việc giải quyết.

II. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THAM NHŨNG

1. Đánh giá tình hình

a) Đánh giá tình hình tham nhũng trong phạm vi quản lý của ngành, địa phương và nguyên nhân

Công tác PCTN, tiêu cực đã được các cấp, các ngành quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện thường xuyên, đạt nhiều kết quả; trong đó, công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát được tăng cường nhằm phòng ngừa, phát hiện và xử lý đối với các hành vi tham nhũng, tiêu cực. Trong kỳ, chưa phát hiện vụ việc có dấu hiệu tham nhũng.

b) So sánh tình hình với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước: Số vụ việc có dấu hiệu tham nhũng giảm so với cùng kỳ năm trước.

2. Dự báo tình hình tham nhũng

a) Dự báo tình hình tham nhũng trong thời gian tới:

Mặc dù đã tăng cường việc triển khai thực hiện các giải pháp phòng ngừa tham nhũng, tuy nhiên công tác quản lý kinh tế, quản lý xã hội trong sự vận hành của nền kinh tế thị trường vẫn còn nhiều bất cập; việc kiểm tra, kiểm soát các hoạt động của doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức còn bị buông lỏng... dẫn đến khả năng tiềm ẩn phát sinh tình hình tham nhũng trong thời gian tới sẽ diễn biến ngày càng phức tạp, tinh vi hơn.

b) Dự báo những lĩnh vực, nhóm hành vi dễ xảy ra nhiều tham nhũng cần phải tập trung các giải pháp phòng ngừa, phát hiện và xử lý tham nhũng:

Trong tình hình hiện nay, việc tiếp tục tăng cường các biện pháp phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng ở mọi lĩnh vực là thường xuyên, cấp bách. Những lĩnh vực, nhóm hành vi dễ xảy ra tham nhũng, như: giải quyết thủ tục hành chính, quy hoạch, quản lý đất đai, đầu tư xây dựng, tài chính - ngân sách, các chương trình dự án sử dụng vốn đầu tư công và công tác tổ chức, cán bộ.

III. ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC

1. Đánh giá chung về hiệu lực, hiệu quả công tác PCTNTC trên các lĩnh vực thuộc quyền quản lý của ngành, địa phương

- Công tác PCTNTC đã được các cấp ủy, các cấp ngành, địa phương tiếp tục quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, bài bản, đi vào chiều sâu, có sự chuyển biến và đạt nhiều kết quả tích cực, tạo hiệu ứng lan tỏa mạnh mẽ trong toàn xã hội, góp phần quan trọng giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, củng cố niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân đối với Đảng và Nhà nước.

- Công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách, pháp luật về PCTN tiếp tục được đẩy mạnh; các biện pháp phòng ngừa tham nhũng được triển khai đồng bộ, toàn diện và tích cực hơn như: công khai, minh bạch trong tổ chức hoạt động, cải cách thủ tục hành chính; xây dựng và thực hiện quy tắc ứng xử, chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp; chuyển đổi vị trí công tác, kiểm soát xung đột lợi ích; kiểm soát tài sản, thu nhập;... Mặt khác, việc tăng cường công tác hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thực hiện đã đưa những quy định trên vào thực tiễn và kịp thời ghi nhận những thiếu sót, bất cập trong cơ chế, chính sách để có hướng điều chỉnh phù hợp trong thời gian tới. Công tác thanh tra ở những lĩnh vực nhạy cảm dễ phát sinh tiêu cực, tham nhũng được tăng cường; qua đó góp phần ngăn chặn, từng bước loại bỏ dần các điều kiện, cơ hội phát sinh tham nhũng trên các ngành, lĩnh vực.

- Công tác phát hiện và xử lý các vụ việc, vụ án tham nhũng, tiêu cực được Tỉnh ủy, UBND tỉnh và các cấp, ngành, địa phương quan tâm chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả, tạo chuyển biến tích cực, khẳng định quyết tâm rất cao của Đảng và Nhà nước trong chống tham nhũng là “không có vùng cấm, không có ngoại lệ”. Công tác phối hợp thanh tra, điều tra, truy tố, xét xử được quan tâm, các vụ việc, vụ án tham nhũng đã được xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, đáp ứng yêu cầu của xã hội, tạo được lòng tin của Nhân dân với quyết tâm đấu tranh PCTN của Đảng và Nhà nước.

- Vai trò, trách nhiệm của xã hội trong đấu tranh phòng ngừa tham nhũng ngày càng được phát huy tốt và đi vào thực chất, hiệu quả hơn.

2. Hiệu quả công tác PTCN kỳ này với kỳ trước hoặc cùng kỳ năm trước

Công tác PCTN tiếp tục được các cấp ủy, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo và chủ động triển khai thực hiện, từ đó có những chuyển biến tích cực và đạt hiệu quả hơn so với cùng kỳ năm trước.

3. Tự đánh giá mức độ hoàn thành mục tiêu của công tác PCTNTC

Việc tăng cường thực hiện các biện pháp phòng ngừa tham nhũng thời gian qua đã góp phần ngăn chặn, từng bước loại bỏ dần các điều kiện, cơ hội làm phát sinh tham nhũng trên tất cả các lĩnh vực và trong các ngành, các cấp, đặc biệt là các lĩnh vực liên quan đến quản lý tài chính, ngân sách, đất đai, đầu tư công, giải quyết thủ tục hành chính với người dân và doanh nghiệp nhằm ổn định chính trị,

thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đội ngũ cán bộ công chức, bộ máy trong sạch, vững mạnh, hoạt động hiệu quả. Tuy nhiên, việc đánh giá công tác PCTNTC, mức độ hoàn thành mục tiêu PCTNTC hiện còn khó khăn, định tính, do tiêu chí chưa rõ ràng và biện pháp đo lường cụ thể.

4. Khó khăn, vướng mắc, tồn tại, hạn chế trong công tác PCTNTC

- Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục về PCTN chưa thường xuyên, liên tục, thiếu chiều sâu, thiếu sự phối hợp giữa các cấp, các ngành; nội dung, hình thức tuyên truyền còn lỏng ghep chưa trở thành chuyên đề riêng biệt.

- Vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu tại một số cơ quan, tổ chức, đơn vị về công tác PCTNTC chưa được quan tâm đúng mức, chưa thực sự chủ động, thường xuyên kiểm tra theo quy định của Luật PCTN để kịp thời phát hiện, xử lý các hành vi tham nhũng, tiêu cực ngay trong cơ quan, đơn vị mình.

PHẦN II. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ QUÝ II

A. CÔNG TÁC THANH TRA

- Toàn ngành tiếp tục bám sát chương trình công tác, kế hoạch thanh tra đã được cấp thẩm quyền phê duyệt để triển khai các cuộc thanh tra, kiểm tra theo đúng nội dung, yêu cầu và tiến độ đã đề ra, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý nhà nước của các cấp, các ngành và địa phương. Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác cuộc thanh tra, chú trọng việc định hướng nội dung thanh tra có trọng tâm, trọng điểm, liên quan đến các lĩnh vực nhạy cảm, đang được xã hội, dư luận quan tâm.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng, hiệu quả kết luận thanh tra, bảo đảm khách quan, chính xác, kịp thời, nghiêm minh; tăng cường theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện kết luận thanh tra, quyết định xử lý về thanh tra; phối hợp chặt chẽ với các ngành có liên quan trong việc xử lý các tổ chức, cá nhân vi phạm được phát hiện qua thanh tra.

B. CÔNG TÁC GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

- Tiếp tục quán triệt Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 26/5/2014 của Bộ Chính trị, Chỉ thị số 29-CT/TU ngày 10/3/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác tiếp công dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo, Công văn số 392-CV/TU ngày 25/10/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 19/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức thực hiện Công văn số 392-CV/TU ngày 25/10/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy; Công văn số 135/UBND-TD ngày 15/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tăng cường công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo Nghị quyết 623/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Nâng cao trách nhiệm trong công tác tiếp công dân, nhất là trách nhiệm tiếp công dân định kỳ của người đứng đầu theo quy định của pháp luật tiếp công dân, không ủy quyền cho cấp phó trực tiếp công dân định kỳ.

- Thủ trưởng các Sở, ban ngành tỉnh và Chủ tịch UBND huyện, thị, thành phố chỉ đạo, trực tiếp kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở các cơ quan trực thuộc giải quyết kịp thời, đúng quy định các vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc trách nhiệm và thẩm quyền của cơ quan mình, cụ thể:

+ Tích cực kiểm tra, chỉ đạo cơ quan chuyên môn tham mưu đề xuất xử lý, báo cáo hoặc phối hợp kịp thời trong công tác tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, hạn chế phát sinh điểm nóng, đông người, bức xúc, gay gắt làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự.

+ Tham mưu giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý đơn kịp thời, đúng pháp luật, góp phần ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

+ Quan tâm thực hiện đúng chính sách, chế độ theo quy định đối với người làm nhiệm vụ tiếp công dân, giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo.

+ Tăng cường công tác thanh tra trách nhiệm người đứng đầu trong thực hiện các quy định về pháp luật tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo.

+ Đối với các vụ việc khi đã có kết luận, quyết định giải quyết phải tổ chức chỉ đạo thực hiện ngay để đảm bảo tính hiệu lực, hiệu quả của việc giải quyết (nhất là những vụ việc khiếu nại kéo dài), hạn chế việc chậm xử lý làm tăng thêm sự bức xúc, gay gắt từ phía người dân.

+ Giải quyết hiệu quả các khiếu nại phức tạp, kéo dài với tinh thần “*xong việc chứ không chỉ phải giải quyết cho hết thẩm quyền*”, nhưng phải bảo đảm đúng quy định pháp luật không làm “*dắt dây, giữ rôi*”. Thường xuyên rà soát các vụ việc chưa giải quyết hoặc đã giải quyết nhưng chưa phù hợp với quy định; tăng cường trách nhiệm chỉ đạo, kiểm tra và mối quan hệ phối hợp trong giải quyết khiếu nại của các cấp, các ngành.

+ Quan tâm nắm chắc tình hình người dân bị ảnh hưởng giải tỏa, thu hồi đất để thực hiện các dự án đang gặp khó khăn trong cuộc sống để kịp thời hỗ trợ, thực hiện chính sách an sinh xã hội phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

- Tiếp tục tổ chức thực hiện kết luận đã thống nhất với Thanh tra Chính phủ và ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh về kiểm tra, rà soát các vụ khiếu nại kéo dài theo Kế hoạch số 480/KH-UBND ngày 07/8/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh (thực hiện Kế hoạch số 363/KH-TTTP của Thanh tra Chính phủ).

+ Tổ chức đối thoại, tiếp công dân để vận động, giải thích, công bố kết quả kiểm tra, rà soát, ban hành quyết định, thông báo kết thúc (nếu các hộ đồng thuận) hoặc thông báo chấm dứt giải quyết.

+ Quan tâm giải quyết hỗ trợ chính sách xã hội nhưng phải bảo đảm nguyên tắc: “*nếu người khiếu nại đồng thuận thì mới thực hiện, không được xem việc hỗ trợ là nguyên có phát sinh khiếu nại*”. Kiên quyết trả lời dứt khoát, chấm dứt

không xem xét giải quyết đối với các trường hợp đã nhận các chính sách giải quyết hỗ trợ của Nhà nước và cam kết chấm dứt khiếu nại, nay quay trở lại yêu cầu giải quyết thêm.

+ Đối với một số vụ khiếu nại mặc dù đã được Thanh tra Chính phủ và Ủy ban nhân dân tỉnh thống nhất phương án giải quyết, nhưng quá trình giải quyết, nếu công dân khiếu nại có yêu cầu đối thoại, xét thấy cần thiết, Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức đối thoại.

- Tăng cường phối hợp trong công tác tiếp công dân, đối thoại của các cơ quan Văn phòng Tỉnh ủy, Ủy ban kiểm tra Tỉnh ủy, Ban Nội chính Tỉnh ủy, Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội - Hội đồng nhân dân tỉnh được thực hiện tốt, thuận lợi và đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, phục vụ việc tiếp trả lời và hướng dẫn công dân được thống nhất giữa các cơ quan và đạt hiệu quả về tiếp công dân, xử lý đơn giải quyết khiếu nại, kiến nghị, phản ánh.

- Công an tỉnh và công an huyện, thị xã, thành phố chủ động thực hiện các biện pháp nghiệp vụ, phối hợp với các đơn vị có liên quan bảo đảm an ninh trật tự tại trụ sở các cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện trong trường hợp phát sinh vụ việc khiếu nại, tố cáo tập trung đông người. Trường hợp lợi dụng khiếu nại, tố cáo để gây rối an ninh trật tự, vi phạm pháp luật thì ngành công an chủ động, phối hợp nắm tình hình và xử lý nghiêm để bảo đảm kỷ cương pháp luật.

C. CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, TIÊU CỰC

- Tiếp tục quán triệt đầy đủ và triển khai thực hiện nghiêm túc Nghị quyết Trung ương 3 (khóa X), Kết luận số 21-KL/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI), Kết luận số 10-KL/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác PCTN, lãng phí; Chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 22/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường xử lý, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng nhũng nhiễu, gây phiền hà cho người dân, doanh nghiệp trong giải quyết công việc, Công điện số 724/CĐ-TTg ngày 17/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường các biện pháp phòng ngừa tiêu cực, tham nhũng trong hoạt động công vụ; Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) về tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng; ngăn chặn, đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống, những biểu hiện “*tự diễn biến*”, “*tự chuyển hoá*” trong nội bộ; Quy định số 101-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng về trách nhiệm nêu gương của đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt; Quy định số 55-QĐ/TW ngày 19/12/2016 của Bộ Chính trị “*về một số việc cần làm ngay để tăng cường vai trò nêu gương của cán bộ, đảng viên*”; Văn bản số 890/TTg-V.I ngày 03/10/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai các nhiệm vụ giải pháp về công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực thời gian tới,...

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và trong các tầng lớp nhân dân nhằm ngày càng nâng cao nhận thức đầy đủ, sâu sắc về nghĩa vụ và trách nhiệm trong đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

- Tăng cường công khai, minh bạch trong hoạt động của các đơn vị gắn với thực hiện dân chủ; tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với những lĩnh vực nhạy cảm, dễ xảy ra tiêu cực, tham nhũng, kiến nghị cấp có thẩm quyền xử lý nghiêm minh, đúng pháp luật đối với các hành vi tiêu cực, tham nhũng và trách nhiệm của người đứng đầu.

- Thường xuyên rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế quy chế làm việc; kiểm soát hiệu quả và xử lý nghiêm đối với cán bộ, công chức có hành vi vụ lợi trong thực thi công vụ. Tiếp tục đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành của cơ quan hành chính các cấp.

- Phối hợp tốt với các cơ quan của Đảng, cơ quan tư pháp; phát huy vai trò, trách nhiệm, sự tham gia, ủng hộ tích cực của toàn xã hội, khi có thông tin của xã hội và người dân, cơ quan đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng có nhiệm vụ xác minh đầy đủ và kịp thời các nguồn tin và có trách nhiệm trong việc bảo vệ bí mật đối với người tố cáo, tố giác tội phạm.

Trên đây là báo cáo công tác thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực Quý I và phương hướng, nhiệm vụ Quý II năm 2024 của UBND tỉnh An Giang./.

Nơi nhận:

- Thanh tra Chính phủ;
- Cục 3-Thanh tra Chính phủ;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy;
- Ban Nội chính Tỉnh ủy;
- Đảng ủy Khối Cơ quan và Doanh nghiệp tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Thanh tra tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Thanh tra các Sở, ban, ngành;
- Thanh tra các huyện, thị xã, thành phố;
- Lưu: P.HCTC, NC, TH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Phước